

GIÁO DỤC CÔNG DÂN SỐ TRONG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN: HÀM Ý ĐỐI VỚI NỀN TẢNG CON NGƯỜI CỦA “THỂ TRẬN LÒNG DÂN” TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

TRẦN LONG GIANG

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp
– Giáo dục thường xuyên Văn Yên, tỉnh Lào Cai

Nhận bài ngày 27/8/2026. Sửa chữa xong 25/9/2026. Duyệt đăng 01/10/2026.

Abstract

This article examines the role of digital citizenship education in continuing education and its potential contribution to strengthening the human foundation of the “people’s hearts and minds posture” (thể trận lòng dân) in cyberspace. The study combines an integrative review with policy document analysis and an examination of the institutional context of vocational and continuing education centers. Following the screening and full-text assessment, 18 sources were included in the final synthesis. The findings indicate that digital environments expand opportunities for learning, communication, and participation while also posing risks related to information, safety, privacy, and digital well-being. Drawing on areas of convergence between Vietnam’s Digital Competence Framework for Learners and international frameworks, the study identifies four analytical clusters of digital citizenship competencies: information discernment and verification; digital legal and ethical competence; digital self-regulation, safety, and well-being; and participation, communication, and positive content creation. Mapping these clusters onto the institutional functions of vocational and continuing education centers yields six directions for implementation. These directions constitute practical implications derived from the literature synthesis; they are not interventions whose effectiveness has been empirically tested.

Keywords: Continuing education, digital citizenship education, digital safety, people’s hearts and minds posture, safeguarding the Party’s ideological foundation.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang làm thay đổi cách con người học tập, giao tiếp và tham gia đời sống xã hội. Tại Việt Nam, cuối năm 2025 có khoảng 85,6 triệu người sử dụng Internet (84,2% dân số) và tháng 10/2025 có 79,0 triệu người dùng mạng xã hội được định danh (Kemp, 2025). Môi trường số, vì thế đã trở thành bối cảnh xã hội khó tách rời hoạt động giáo dục.

Giáo dục công dân (GD CD) số không chỉ là sử dụng công nghệ mà còn bao hàm đánh giá thông tin, an toàn và sức khỏe số, chuẩn mực pháp lý – đạo đức, giao tiếp và tham gia có trách nhiệm. UNESCO (2023) nhấn mạnh vai trò của giáo viên dù nhiều năng lực được hình thành ngoài nhà trường. Với giáo dục thường xuyên (GDTX), định hướng này phù hợp với Chương trình GDTX cấp trung học phổ thông, vốn chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực, tự học và định hướng nghề nghiệp phù hợp với hoàn cảnh người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Nghị quyết số 35-NQ/TW yêu cầu tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch (Bộ Chính trị, 2018). Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh xây dựng “thể trận lòng dân”, phát huy đoàn kết và đồng thuận của nhân dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021); Nguyễn Văn Gấu (2024) liên hệ nội dung này trên không gian mạng với niềm tin, nhận thức, trách nhiệm xã hội và sức đề kháng trước thông tin xấu, độc. Bài viết không đồng nhất “thể trận lòng dân”

Email: longgiang.gdtxvy@yenbai.edu.vn

với GDCC số mà sử dụng như một khung diễn giải liên ngành về phần đóng góp có thể có của các kết quả giáo dục.

Trong phạm vi tài liệu được rà soát, ba mạch chủ yếu còn tương đối tách biệt: GDCC số và rủi ro trực tuyến; chính sách, mục tiêu GDTX; và bảo vệ nền tảng tư tưởng, xây dựng “thể trận lòng dân” trên không gian mạng. Khoảng trống tổng hợp của bài là kết nối ba mạch này trong bối cảnh trung tâm giáo dục nghề nghiệp (GDNN) - GDTX thành một khung phân tích và các hàm ý tổ chức ở cấp cơ sở.

Bài viết trả lời ba câu hỏi: (1) Môi trường số tạo ra cơ hội và rủi ro nào đối với người học GDTX? (2) Những cụm năng lực công dân số nào cần ưu tiên để hỗ trợ tự bảo vệ trước thông tin sai lệch và hành xử có trách nhiệm? (3) Từ kết quả tổng hợp, có thể đề xuất những hướng triển khai nào phù hợp với chức năng của trung tâm GDNN-GDTX và có khả năng đánh giá? Mục tiêu là tổng hợp cơ hội – rủi ro; hình thành bốn cụm phân tích; đối chiếu với hoạt động của trung tâm để đề xuất sáu hướng triển khai; và làm rõ, ở mức diễn giải có giới hạn, phần đóng góp đối với nền tảng con người của “thể trận lòng dân”.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo tổng quan tích hợp (integrative review) kết hợp phân tích văn bản chính sách và đối chiếu với bối cảnh tổ chức của trung tâm GDNN-GDTX. Cách tiếp cận này phù hợp khi cần tích hợp các loại nguồn không đồng nhất, gồm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tổng quan, khung năng lực, báo cáo quốc tế và văn bản chính sách để tạo một cấu trúc diễn giải chung (Whittemore & Knafl, 2005).

Tài liệu được tìm kiếm đến 08/9/2026, chủ yếu trong giai đoạn 2018–2026, trên ERIC, PubMed, DOAJ, VJOL; kho của UNESCO, OECD, WHO, UNICEF, Council of Europe, European Commission/JRC; và nguồn chính thức của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chuỗi đại diện gồm (“digital citizenship” OR “digital competence”) AND (student* OR adolescen* OR learner*) AND education; (“media literacy” OR misinformation) AND (verification OR resilience); cùng các tổ hợp “công dân số”/“năng lực số” AND “GDTX”/“GDNN-GDTX”, và “thể trận lòng dân”/“bảo vệ nền tảng tư tưởng” AND “không gian mạng”. Cú pháp được điều chỉnh theo từng nguồn; tài liệu nền tảng trước 2018 được bổ sung qua truy hồi tham khảo.

Nguồn được đưa vào khi liên quan trực tiếp đến ít nhất một câu hỏi nghiên cứu, bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, và thuộc nhóm bài báo phản biện, nghiên cứu tổng quan, khung năng lực chính thức, báo cáo nghiên cứu của tổ chức quốc tế hoặc văn bản pháp luật/chính sách có thẩm quyền. Nguồn chỉ bàn chung về công nghệ, tài liệu phổ biến – tuyên truyền không có giá trị phân tích, bản trùng lặp hoặc không đủ thông tin để mã hóa bị loại. Quá trình tìm kiếm xác định 40 nguồn ứng viên; 13 nguồn bị loại ở sàng lọc ban đầu, 27 nguồn được đánh giá toàn văn và 18 nguồn nội dung được đưa vào tổng hợp cuối cùng. Whittemore và Knafl (2005) chỉ được sử dụng làm căn cứ phương pháp, không tính vào corpus nội dung.

Nguồn được đánh giá theo loại tài liệu: nghiên cứu/báo cáo dựa trên mức minh bạch của thiết kế, dữ liệu và giới hạn; khung năng lực dựa trên cơ quan phát triển, phạm vi và mục đích; văn bản chính sách dựa trên bản chính thức, hiệu lực và vai trò quy phạm. Nguồn liên quan thấp không được dùng trong tổng hợp chính. Do corpus dị biệt, nghiên cứu không áp dụng một thang điểm chất lượng chung.

Dữ liệu được trích xuất theo loại nguồn, đối tượng/bối cảnh, khái niệm hoặc năng lực, cơ hội – rủi ro, yêu cầu giáo dục, hàm ý tổ chức và giới hạn. Phân tích sử dụng mã hóa kết hợp diễn dịch – quy nạp. Các mã được so sánh với Khung năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025), DigComp 2.2, Council of Europe và UNESCO để tổng hợp thành bốn cụm phân tích: nhận thức và kiểm chứng thông tin; pháp lý – đạo đức số; tự chủ, an toàn và sức khỏe số; tham gia, giao tiếp và kiến tạo nội dung tích cực. Đây là công cụ phân tích của nghiên cứu, không phải khung năng lực mới.

Văn bản chính sách được đọc theo các chiều mục tiêu, đối tượng, yêu cầu, trách nhiệm của chủ thể và hàm ý giáo dục. Bốn cụm phân tích sau đó được đối chiếu với kế hoạch giáo dục, môn học/hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên, phát triển đội ngũ, truyền thông và phối hợp nhà trường – gia đình – địa phương để hình thành sáu hướng triển khai. Nghiên cứu không thu thập dữ

liệu sơ cấp; bằng chứng có mức độ không đồng nhất, một phần được chuyển giao từ bối cảnh quốc tế và toàn bộ sàng lọc, mã hóa do một tác giả thực hiện. Vì vậy, kết quả được hiểu là tổng hợp phân tích và hàm ý thực hành, không phải bằng chứng về hiệu quả can thiệp.

3. Nội dung nghiên cứu và thảo luận

3.1. Môi trường số đối với người học: cơ hội đi cùng rủi ro

Kết quả tổng hợp cho thấy môi trường số cần được nhìn đồng thời từ hai chiều cơ hội và rủi ro. Ở chiều cơ hội, các nền tảng số mở rộng khả năng tiếp cận tài liệu, học tập linh hoạt, giao tiếp, sáng tạo và tham gia. Global Kids Online cho thấy mức độ tham gia trực tuyến đa dạng có liên hệ với kỹ năng số; General Comment No. 25 cũng xem môi trường số là không gian để trẻ em thực hiện các quyền về thông tin, giáo dục, biểu đạt và tham gia (Livingstone et al., 2019; Committee on the Rights of the Child, 2021). Đối với người học GDTX trong độ tuổi THPT, đây là cơ sở để khai thác công nghệ như một nguồn hỗ trợ học tập linh hoạt, nhưng không thể được hiểu là bằng chứng trực tiếp về học viên GDNN-GDTX tại Việt Nam.

Ở chiều rủi ro, OECD (2021) phân loại nguy cơ đối với trẻ em thành bốn nhóm: nội dung, tiếp xúc, hành vi và tiêu dùng, cùng các rủi ro xuyên suốt về quyền riêng tư, công nghệ mới và sức khỏe – hạnh phúc. Disrupting Harm tại Việt Nam cung cấp bằng chứng về các nguy cơ nghiêm trọng liên quan đến bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua công nghệ số, đồng thời cho thấy nhu cầu phối hợp đa chủ thể (ECPAT et al., 2022). WHO Regional Office for Europe (2024) ghi nhận việc sử dụng mạng xã hội có vấn đề và chơi game có vấn đề ở một bộ phận thanh thiếu niên, qua đó nhấn mạnh giáo dục hiểu biết số, hành vi số lành mạnh và năng lực hỗ trợ của người lớn.

Tổng hợp này cho thấy cách tiếp cận chỉ dựa trên hạn chế hoặc cấm đoán là chưa đủ. Rủi ro không đồng nghĩa với tổn hại tất yếu; ý nghĩa giáo dục nằm ở việc giúp người học nhận diện rủi ro, khai thác cơ hội và biết tìm kiếm hỗ trợ. Từ đó, trọng tâm chuyển sang xác định những năng lực cần ưu tiên để người học tham gia môi trường số một cách có hiểu biết, an toàn và có trách nhiệm.

3.2. Bốn cụm phân tích năng lực công dân số

Đối chiếu Khung năng lực số cho người học của Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) với DigComp 2.2 (Vuorikari et al., 2022), mô hình GDCE số của Council of Europe (Richardson & Milovidov, 2019), UNESCO (2023) và các bằng chứng được rà soát cho thấy nhiều miễn có nội dung giao thoa nhưng khác nhau về mục tiêu và phạm vi. Bốn cụm dưới đây là sự rút gọn có chủ đích theo câu hỏi nghiên cứu, không phải một khung năng lực thay thế các khung hiện hành.

Bảng 1: Đối chiếu bốn cụm phân tích với các khung năng lực

Bốn cụm phân tích	Căn cứ đối chiếu theo từng khung	Trọng tâm giáo dục
1. Nhận thức và kiểm chứng thông tin	Việt Nam: Khai thác dữ liệu và thông tin; DigComp: Information and Data Literacy; CoE: Media and Information Literacy; UNESCO: Digital Literacy	Tìm kiếm, đánh giá nguồn, kiểm chứng, tư duy phản biện
2. Pháp lý – đạo đức số	Việt Nam: các yêu cầu về trách nhiệm, bản quyền và ứng xử trong các năng lực thành phần; DigComp: Communication/Collaboration, Content Creation, Safety; CoE: Rights and Responsibilities, Ethics and Empathy, Privacy and Security; UNESCO: Digital Ethics	Quyền, nghĩa vụ, chuẩn mực pháp lý và đạo đức khi tương tác số
3. Tự chủ, an toàn và sức khỏe số	Việt Nam: An toàn; DigComp: Safety; CoE: Health and Well-being, Privacy and Security; UNESCO: Digital Safety and Resilience, Digital Emotional Intelligence	Bảo vệ dữ liệu, tự điều chỉnh, quản lý rủi ro, sức khỏe và cân bằng số
4. Tham gia, giao tiếp và kiến tạo nội dung tích cực	Việt Nam: Giao tiếp và hợp tác, Sáng tạo nội dung số; DigComp: Communication and Collaboration, Digital Content Creation; CoE: Active Participation; UNESCO: Digital Participation and Agency, Digital Creativity and Innovation	Giao tiếp, hợp tác, tham gia có trách nhiệm và sáng tạo nội dung

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), Vuorikari et al. (2022), Richardson và Milovidov (2019), UNESCO (2023).

Bốn trục hội tụ là: xử lý thông tin; quyền – trách nhiệm và đạo đức; an toàn – tự chủ – sức khỏe;

tham gia – giao tiếp – sáng tạo. Cụm thứ nhất nhấn mạnh quy trình tìm, đánh giá và kiểm chứng; cụm thứ hai mở rộng giáo dục pháp luật sang quyền riêng tư, bản quyền và trách nhiệm, trong đó Luật An ninh mạng chỉ là một phần căn cứ (Quốc hội, 2018), còn General Comment No. 25 và Council of Europe nhấn mạnh đồng thời quyền và trao quyền (Committee on the Rights of the Child, 2021; Richardson & Milovidov, 2019). Cụm thứ ba mở an toàn số sang tự điều chỉnh và sức khỏe; cụm thứ tư nhấn mạnh người học như chủ thể tham gia có trách nhiệm.

Các cụm có giao thoa: quyền riêng tư vừa thuộc pháp lý – đạo đức vừa liên quan đến an toàn; sáng tạo nội dung liên quan cả bản quyền và trách nhiệm. Sự giao thoa không phải là khiếm khuyết nếu bốn cụm được sử dụng như công cụ phân tích. Những miễn như giải quyết vấn đề, tiếp cận – hòa nhập hoặc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vẫn quan trọng nhưng nằm ngoài trọng tâm trực tiếp của nghiên cứu.

3.3. Sức đề kháng trước thông tin sai lệch và ẩn dụ “miễn dịch thông tin”

Một yêu cầu nổi lên từ tổng hợp là khả năng chống chịu trước thông tin sai lệch và kỹ thuật thao túng. Trong bài, “miễn dịch thông tin” chỉ là một ẩn dụ làm việc, không phải cấu trúc năng lực hay thang đo đã chuẩn hóa. Cách diễn giải này gần với inoculation theory và prebunking: cảnh báo trước và giúp người tiếp nhận nhận diện những thủ thuật gây hiểu lầm có thể tăng sức đề kháng trước misinformation; tuy nhiên, đây là hướng có triển vọng chứ không phải bằng chứng rằng mọi chương trình “miễn dịch thông tin” đều hiệu quả (Lewandowsky & van der Linden, 2021).

Ở bình diện giáo dục, nội hàm cần giữ hẹp: biết dừng trước khi phản ứng hoặc chia sẻ; xác định nguồn và bằng chứng; kiểm tra ở nguồn độc lập; nhận diện tác động của ngôn ngữ, hình ảnh và thiên kiến; cân nhắc hậu quả của hành vi chia sẻ. Nội dung này chủ yếu thuộc cụm nhận thức và kiểm chứng thông tin nhưng liên hệ với đạo đức và tự chủ. Với giáo dục chính trị, tư tưởng, hàm ý là chuyển từ chỉ cung cấp “đáp án đúng” sang rèn năng lực hiểu căn cứ của thông tin, đối thoại và hình thành niềm tin có cơ sở.

3.4. Giáo dục công dân số và nền tảng con người của “thể trận lòng dân”

Nghị quyết số 35-NQ/TW đặt ra yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch (Bộ Chính trị, 2018). Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh xây dựng “thể trận lòng dân”, phát huy sức mạnh đoàn kết và đồng thuận của nhân dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021); trong thảo luận về không gian mạng, Nguyễn Văn Gấu (2024) nhấn mạnh niềm tin, nhận thức, trách nhiệm xã hội và khả năng tự đề kháng trước thông tin xấu, độc. Tuy nhiên, những nguồn này không chứng minh rằng năng lực công dân số đồng nhất với hoặc trực tiếp tạo ra “thể trận lòng dân”.

Bài viết vì vậy đề xuất một chuỗi diễn giải có giới hạn: GD CD số → năng lực tiếp nhận và đánh giá thông tin có cơ sở → hành vi số hợp pháp, an toàn, có trách nhiệm → khả năng tham gia và đối thoại xã hội → có thể góp phần củng cố những điều kiện thuộc về con người và quan hệ xã hội của “thể trận lòng dân”. “Nền tảng con người” ở đây là cách gọi phân tích cho các điều kiện ở cấp cá nhân và quan hệ xã hội mà giáo dục có thể góp phần hình thành; không phải một cấu trúc đo lường đã được chuẩn hóa.

Do đó, khả năng kiểm chứng trước khi chia sẻ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân biệt phản biện với xúc phạm, tìm kiếm hỗ trợ, báo cáo nội dung gây hại và tham gia có trách nhiệm chỉ nên được xem là các chỉ báo giáo dục về những năng lực có thể đóng góp vào nền tảng con người của “thể trận lòng dân”, không phải thước đo trực tiếp của khái niệm chính trị – xã hội này. Cách giới hạn đó giúp duy trì ranh giới giữa hàm ý giáo dục và kết luận chính trị – xã hội rộng hơn.

3.5. Từ kết quả tổng hợp đến 6 hướng triển khai tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

Bốn cụm phân tích được đối chiếu với các cấu phần hoạt động của trung tâm GDNN-GDTX theo ma trận yêu cầu năng lực – chức năng giáo dục – nhu cầu triển khai. Bảng 2 là sản phẩm đối chiếu phân tích của nghiên cứu; sáu hướng được hình thành bằng cách gộp các hàm ý có chức năng tổ chức gần nhau, không phải sáu chủ đề thực nghiệm độc lập xuất hiện nguyên dạng trong tài liệu nguồn và cũng không phải các biện pháp đã được nghiên cứu hiện tại chứng minh hiệu quả.

Bảng 2: Ma trận hình thành 6 hướng triển khai

Cơ sở từ tổng hợp	Cấu phần hoạt động của trung tâm	Sáu hướng triển khai
Năng lực công dân số có tính xuyên lĩnh vực	Kế hoạch giáo dục, môn học, hoạt động giáo dục	1. Tích hợp GDCCD số vào kế hoạch giáo dục
Cần rèn quy trình kiểm chứng và sức đề kháng trước thông tin sai lệch	Dạy học, chủ nhiệm, trải nghiệm	2. Phát triển sức đề kháng trước thông tin sai lệch thông qua tình huống
Giáo viên giữ vai trò hướng dẫn và hỗ trợ	Đội ngũ cán bộ, giáo viên	3. Phát triển năng lực số và năng lực đối thoại của đội ngũ
Bảo vệ cần đi cùng quyền tham gia và năng lực chủ thể	Lớp học, Đoàn Thanh niên	4. Phát huy vai trò chủ thể của học viên
Môi trường truyền thông cũng là môi trường giáo dục	Website, fanpage, nhóm trực tuyến	5. Xây dựng hệ sinh thái truyền thông giáo dục tích cực
Nhiều rủi ro vượt khả năng xử lý của một chủ thể	Nhà trường, gia đình, địa phương, cơ quan chức năng	6. Thiết lập cơ chế phối hợp và ứng phó sự cố

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đối chiếu theo phương pháp nghiên cứu.

Thứ nhất, tích hợp GDCCD số vào kế hoạch giáo dục. Khung năng lực số của Việt Nam và các khung quốc tế cho phép triển khai theo hướng xuyên lĩnh vực thay vì tạo một nội dung tách biệt (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025; Richardson & Milovidov, 2019; UNESCO, 2023; Vuorikari et al., 2022). Điểm cốt lõi là mỗi hoạt động tích hợp có mục tiêu năng lực, tình huống và sản phẩm quan sát được; các môn học khác nhau có thể lựa chọn điểm tích hợp phù hợp.

Thứ hai, phát triển sức đề kháng trước thông tin sai lệch thông qua tình huống. Người học có thể được đặt trước các trường hợp gần với đời sống số và thực hiện chu trình xác định vấn đề – kiểm tra nguồn – đối chiếu bằng chứng – phân tích hậu quả – giải thích quyết định. Cách tiếp cận này phù hợp với media and information literacy và có điểm tương đồng với inoculation/prebunking, nhưng hiệu quả trong GDTX cần được kiểm nghiệm (Lewandowsky & van der Linden, 2021; UNESCO, 2023).

Thứ ba, phát triển năng lực số và năng lực đối thoại của đội ngũ. UNESCO (2023), OECD (2024) và WHO Regional Office for Europe (2024) đều nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong việc hỗ trợ người học sử dụng công nghệ an toàn và có trách nhiệm. Bồi dưỡng nên ưu tiên đánh giá nguồn, quyền riêng tư, an toàn và sức khỏe số, xử lý tình huống trực tuyến và tổ chức đối thoại dựa trên bằng chứng.

Thứ tư, phát huy vai trò chủ thể của học viên. General Comment No. 25 và Council of Europe cho thấy bảo vệ cần đi cùng quyền tham gia và cơ hội phát triển năng lực (Committee on the Rights of the Child, 2021; Richardson & Milovidov, 2019). Trung tâm có thể cho học viên tham gia xây dựng quy ước ứng xử số và sản phẩm truyền thông; nếu tổ chức nhóm học viên nòng cốt, cần bảo đảm tự nguyện, không biến thành giám sát bạn bè và tôn trọng quyền riêng tư.

Thứ năm, xây dựng hệ sinh thái truyền thông giáo dục tích cực. Quyết định số 830/QĐ-TTg nhấn mạnh việc hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo và nâng cao kỹ năng của trẻ em, cha mẹ, giáo viên trong môi trường mạng (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Kênh trực tuyến của trung tâm, vì vậy có thể kết hợp thông tin hành chính với nguồn chính thống, kỹ năng số và sản phẩm giáo dục; hiệu quả tiếp nhận cần được đánh giá thay vì giả định.

Thứ sáu, thiết lập cơ chế phối hợp và ứng phó với sự cố. Disrupting Harm và Quyết định số 830/QĐ-TTg đều cho thấy các rủi ro nghiêm trọng cần sự phối hợp của nhiều chủ thể (ECPAT et al., 2022; Thủ tướng Chính phủ, 2021). Trung tâm cần xác định rõ trách nhiệm phát hiện và hỗ trợ ban đầu, phối hợp với gia đình, tổ chức Đoàn và cơ quan có thẩm quyền; ưu tiên an toàn, quyền riêng tư và hỗ trợ người học. Hướng này khác với truyền thông dự phòng ở chỗ tập trung vào xử lý và phục hồi khi sự cố xảy ra.

Xét tổng thể, sáu hướng mới có tính phù hợp về mặt tổ chức; nghiên cứu chưa kiểm định tính khả thi thực tế ở từng trung tâm. Việc tích hợp vào kế hoạch giáo dục, chủ nhiệm, hoạt động Đoàn, truyền thông và phối hợp gia đình có thể hạn chế triển khai theo phong trào.

3.6. Điều kiện triển khai và gợi ý đánh giá

Đánh giá có thể kết hợp ba tầng. Chỉ báo đầu vào phản ánh mức độ sẵn sàng của đội ngũ, quy ước ứng xử số, tài liệu và kênh hỗ trợ; chỉ báo quá trình phản ánh chất lượng tình huống tích hợp, mức độ tham gia và khả năng phối hợp; chỉ báo kết quả tập trung vào năng lực, chẳng hạn xác định dấu hiệu đáng ngờ, lựa chọn nguồn kiểm chứng, bảo vệ thông tin cá nhân và giải thích căn cứ của quyết định. Đây mới là gợi ý đánh giá, chưa phải bộ công cụ đã được kiểm định về độ giá trị và độ tin cậy.

Nghiên cứu hiện tại chưa chứng minh sáu hướng triển khai làm thay đổi năng lực của học viên. Nghiên cứu tiếp theo cần xây dựng và kiểm định công cụ dựa trên bốn cụm phân tích, khảo sát năng lực đầu vào và thử nghiệm một số hoạt động với thiết kế trước – sau hoặc nhóm so sánh phù hợp; dữ liệu định lượng có thể kết hợp phỏng vấn để nhận diện điều kiện và cơ chế thay đổi.

4. Kết luận

Tổng quan cho thấy môi trường số vừa mở rộng cơ hội học tập và tham gia, vừa đặt ra rủi ro về thông tin, an toàn, quyền riêng tư và sức khỏe số. Từ sự hội tụ giữa Khung năng lực số cho người học của Việt Nam và các khung quốc tế, nghiên cứu tổng hợp bốn cụm phân tích: nhận thức và kiểm chứng thông tin; pháp lý – đạo đức số; tự chủ, an toàn và sức khỏe số; tham gia, giao tiếp và kiến tạo nội dung tích cực. Đây là công cụ phân tích của nghiên cứu, không phải một khung năng lực mới.

Đối chiếu bốn cụm với các cấu phần hoạt động của trung tâm GDNN-GDTX dẫn tới sáu hướng triển khai: tích hợp GDCCD số vào kế hoạch giáo dục; phát triển sức đề kháng trước thông tin sai lệch qua tình huống; phát triển năng lực số và năng lực đối thoại của đội ngũ; phát huy vai trò chủ thể của học viên; xây dựng hệ sinh thái truyền thông giáo dục tích cực; thiết lập cơ chế phối hợp và ứng phó sự cố. Đây là các hàm ý thực hành được suy ra từ tổng hợp và contextual mapping, chưa phải là giải pháp đã được chứng minh hiệu quả.

Về mặt lý luận, bài viết đề xuất cách diễn giải có giới hạn: GDCCD số có thể góp phần hình thành năng lực đánh giá thông tin, hành vi số hợp pháp, an toàn, có trách nhiệm và khả năng tham gia, đối thoại; các kết quả này có thể góp phần củng cố những điều kiện thuộc về con người và quan hệ xã hội của “thế trận lòng dân”, nhưng không phải thước đo trực tiếp của khái niệm này.

Với cách tiếp cận tổng quan tích hợp và đối chiếu bối cảnh tổ chức, nghiên cứu cung cấp một khung tham chiếu có hệ thống để nhận diện những năng lực công dân số cần ưu tiên và chuyển hóa chúng thành các hướng triển khai phù hợp với hoạt động của trung tâm GDNN-GDTX. Giá trị của khung này không chỉ nằm ở việc hệ thống hóa bốn cụm phân tích, mà còn ở sự kết nối giữa yêu cầu năng lực của người học, chức năng giáo dục của cơ sở và những điều kiện có thể quan sát, đánh giá trong thực tiễn. Trên cơ sở đó, các trung tâm GDNN-GDTX có thể tham khảo để tích hợp GDCCD số vào kế hoạch giáo dục, phát triển năng lực của đội ngũ, tăng vai trò chủ thể của học viên và củng cố cơ chế phối hợp trong môi trường số. Do nghiên cứu tập trung vào tổng hợp và xây dựng khung phân tích, việc kiểm định công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả của từng hướng triển khai trong các bối cảnh GDNN-GDTX cụ thể là bước phát triển tiếp theo nhằm tiếp tục kiểm chứng và hoàn thiện các đề xuất của nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Chính trị (2018). *Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT, ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*.
- Committee on the Rights of the Child (2021). *General comment No. 25 (2021) on children's rights in relation to the digital environment (CRC/C/GC/25)*. United Nations. <https://digitallibrary.un.org/record/3906061>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập I)*. NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật.

- ECPAT, INTERPOL, & UNICEF (2022). *Disrupting Harm in Viet Nam: Evidence on online child sexual exploitation and abuse*. Global Partnership to End Violence Against Children. <https://www.unicef.org/innocenti/media/4181/file/DH-Viet-Nam-Report-2022.pdf>.
- Kemp, S. (2025). *Digital 2026: Vietnam*. DataReportal. <https://datareportal.com/reports/digital-2026-vietnam>.
- Lewandowsky, S., & van der Linden, S. (2021). Countering misinformation and fake news through inoculation and prebunking. *European Review of Social Psychology*, 32(2), 348–384. <https://doi.org/10.1080/10463283.2021.1876983>.
- Livingstone, S., Kardefelt-Winther, D., & Saeed, M. (2019). *Global Kids Online: Comparative report*. UNICEF Office of Research – Innocenti. <https://www.unicef.org/innocenti/reports/global-kids-online-growing-connected-world>.
- Nguyễn Văn Gấu (2024). Xây dựng “thế trận lòng dân” trên không gian mạng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*. <https://tapchiquptd.vn/vi/nhung-chu-truong-cong-tac-lon/xay-dung-the-tran-long-dan-tren-khong-gian-mang-de-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/21306.html>.
- OECD (2021). *Children in the digital environment: Revised typology of risks* (OECD Digital Economy Papers, No. 302). OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9b8f222e-en>.
- OECD (2024). *Managing screen time: How to protect and equip students against distraction* (PISA in Focus, No. 124). OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/7c225af4-en>.
- Quốc hội (2018). *Luật An ninh mạng*. Luật số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018.
- Richardson, J., & Milovodov, E. (2019). *Digital citizenship education handbook: Being online, well-being online, rights online*. Council of Europe Publishing. <https://book.coe.int/en/human-rights-democratic-citizenship-and-interculturalism/7851-digital-citizenship-education-handbook.html>.
- Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 830/QĐ-TTg, ngày 01/06/2021 phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021–2025”*.
- UNESCO Office Bangkok and Regional Bureau for Education in Asia and the Pacific. (2023). *Digital citizenship in Asia-Pacific: Translating competencies for teacher innovation and student resilience*. UNESCO. <https://www.unesco.org/en/articles/digital-citizenship-asia-pacific-translating-competencies-teacher-innovation-and-student-resilience>.
- Vuorikari, R., Kluzer, S., & Punie, Y. (2022). *DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens – With new examples of knowledge, skills and attitudes*. Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2760/115376>.
- Whittemore, R., & Knafl, K. (2005). The integrative review: Updated methodology. *Journal of Advanced Nursing*, 52(5), 546–553. <https://doi.org/10.1111/j.1365-2648.2005.03621.x>.
- World Health Organization Regional Office for Europe (2024). *A focus on adolescent social media use and gaming in Europe, Central Asia and Canada: Health Behavior in School-aged Children international report from the 2021/2022 survey* (Vol. 6). World Health Organization. <https://www.who.int/europe/publications/i/item/9789289061322>.